

VỀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÂU BÒ THỊT Ở MIỀN NÚI VÀ TRUNG DU MIỀN BẮC VIỆT-NAM

LÊ NGỌC DƯƠNG

Mấy năm qua, sản xuất nông nghiệp của ta đã thu được những thành tựu bước đầu, tạo điều kiện để tiến tới « giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm trên cả ba vùng : đồng bằng, trung du, miền núi » (1). Riêng miền núi và trung du, vốn có vị trí vô cùng quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phải được xây dựng thành những vùng nông nghiệp mới, có tính chất toàn diện. Bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng đã vạch rõ: « Hướng phát triển nông nghiệp miền núi là: bảo đảm tự giải quyết lương thực, đặc biệt là phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, phát triển các loại cây công nghiệp và cây ăn quả, phát triển việc trồng rừng và khai thác rừng » (2). Tiếp đó, tháng 2-1973, Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về vấn đề phát triển nông nghiệp miền núi nêu thêm: « Nhiệm vụ của công tác chăn nuôi miền núi là phải bảo đảm sức kéo, phân bón, cung cấp thịt... » (3). Mới đây, tại Hội nghị những người chăn nuôi giỏi toàn miền Bắc (tháng 2-1974), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: « Phải hết sức phát triển nghề chăn nuôi trâu trong thời gian tới. Ở đồng bằng, trung du, miền núi đều có thể nuôi được trâu... Bò thì phải nuôi ở trung du, miền núi bởi vì bò rất cần đồng cỏ. Ta phải phát triển nghề nuôi bò để lấy sữa và cả để lấy thịt... Phải tiến tới có sữa bò và thịt bò cung cấp được trong nước và trong tương lai cho cả xuất khẩu nữa » (4).

Trong bài này, chúng tôi muốn nêu lên một số ý kiến về phát triển chăn nuôi trâu bò thịt ở miền núi, trung du, dựa trên những tiến bộ kỹ thuật đã đạt được và trên cơ sở vật chất — kỹ thuật cho phép trong thời gian tới.

I. PHẢI XÁC ĐỊNH RÕ NHU CẦU VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÂU BÒ THỊT CỦA MIỀN BẮC NƯỚC TA

Trong nền nông nghiệp cổ truyền của nhân dân ta, con trâu, con bò (cùng với con lợn) vốn có quan hệ vô cùng gần bó với cây lúa. Ở đâu có lúa là có trâu bò, có lợn. Trồng cây lúa cần sức kéo của trâu, bò, cần phân bón của trâu, bò, lợn; ngược lại, ba loại gia súc này cũng được cây lúa cung cấp cho thức ăn. Mối tương quan này có thể biểu hiện bằng một bên là « một hecta lúa » và một bên là « một trâu, bò và 2—3 lợn ». Một trâu, bò đủ sức kéo cho một hecta lúa, đồng thời mỗi năm cho 5—6 tấn phân, cùng với 2—3 tấn phân lợn tạo thành một khối lượng phân hữu cơ cần thiết để một hecta lúa cho 4—5 tấn thóc. Một hecta lúa cung cấp được khoảng 300—400 kg cám và 3—4 tấn rơm, có thể thỏa mãn phần thức ăn chủ yếu cho 2—3 lợn (thịt) và một trâu, bò. Khái quát lại, công thức « 1 hecta lúa + 1 trâu, bò + 2—3 lợn » nói lên đặc điểm cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền Việt-nam, với

(1) Lê Duẩn — Ra sức xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Tạp chí Học tập, số 10-1974.

(2) Ban chấp hành Trung ương Đảng — Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, 1961.

(3) Bộ Chính trị Trung ương Đảng — Nghị quyết về vấn đề phát triển nông nghiệp miền núi, 1963.

(4) Phạm Văn Đồng — Những người chăn nuôi giỏi chính là những người đáng ca ngợi nhất, đáng biểu dương nhất. — Tạp chí Hoạt động khoa học, tháng 8-1974.

những mặt cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, lấy sản xuất lương thực làm trục chính. Điều đó cũng giải thích tại sao trong những khoảng thời gian nhất định, đàn trâu bò biến theo diện tích gieo trồng, cũng như số đầu lợn tăng giảm theo nhịp độ của sản lượng thóc.

Như vậy, chăn nuôi trâu, bò của nhân dân ta chủ yếu là để lấy sức kéo và qua thực tiễn sản xuất, địa bàn phân bố con trâu, con bò được xác định một cách rất hợp lí: trâu khỏe hơn, cần nước và chịu ăn thức ăn thô hơn, nên sống và làm việc ở vùng có ruộng nước, đất nặng, thiếu đồng cỏ, ở cả miền biển, đồng bằng, trung du, miền núi; còn bò, sức yếu hơn, không thích hợp với cày, bừa ở ruộng nước (không thể «bắt bò lội rộc») nên được nuôi dưỡng và sử dụng ở các vùng đồng khô, ruộng cạn, nhiều đồng cỏ, phần lớn là ở trung du và vùng đồng màu. Người nông dân nào có trâu, bò là đã có một tư liệu sản xuất rất quan trọng, một tài sản quý giá: «con trâu là đầu cơ nghiệp», mua bán phải có văn tự và khi «phế canh» mới được giết thịt. Thịt trâu, bò «phế canh» nói chung không được ngon vì thường là trâu, bò già và gầy, tỉ lệ thịt xẻ cũng thấp, giá trị cũng chỉ là giá trị của một loại «thứ phẩm» tận thu. Tất nhiên, nhân dân ta vẫn đánh giá cao loại thịt bò, thịt trâu «chính phẩm» béo và non; mặc dù trước đây, không mấy ai biết đạm prôtêin trong thịt bò có tới 20%, thịt trâu tới 18%, hơn hẳn thịt lợn nạc (chỉ có 15%). Cho nên trong các món ăn cao cấp của dân tộc, món thịt bò, thịt trâu là loại quý và hiếm, được nhiều người ham chuộng. Đồng bào miền núi rất ưa thích thịt trâu, hầu như không thể thiếu thịt trâu khi có hội hè, lễ tết, đình đám. Trong tương lai, thịt trâu đối với miền núi có yêu cầu và khả năng rất lớn: mặt yêu cầu, phản ánh đòi hỏi về tập tục dân tộc trong xã hội mới với đời sống được cải thiện, chắc chắn khối lượng ngày một tăng; mặt khả năng, miền núi cũng như trung du của ta có điều kiện cỏ, nước, khí hậu thích hợp với trâu, nên trâu phát triển tốt ở nhiều tỉnh: Bắc-thái, Lạng-sơn, Hà-giang, Tuyên-quang, Vĩnh-phú, Hà-bắc... (hiện nay, số trâu ở các tỉnh trung du, miền núi chiếm tới 60% tổng số trâu miền Bắc). Trâu vừa làm nguồn cung cấp sức kéo cho vùng xuôi, vừa là nguồn cung cấp thực phẩm cho nhân dân các dân tộc vùng thượng. Con bò của ta, tuy tầm vóc nhỏ nhưng sức sinh sản khá, chịu kham khổ, thích hợp với điều kiện sống ở các vùng trung du nhiều đồng cỏ,

bãi cỏ, cho nên số bò ở các tỉnh trung du, miền núi chiếm gần 50% đàn bò miền Bắc. Đây cũng là nguồn sức kéo cho nhiều vùng ruộng cạn, là nguồn «bò nền» để phát triển, cải tạo đàn bò của ta, nhằm cung cấp nhiều sữa, nhiều thịt cho toàn dân. Con trâu, con bò gắn bó với nhau khăng khít như vậy, nên ta thường để chúng sát bên nhau cả khi nói và khi viết. Trong thời gian tới, khi phát huy thế mạnh về chăn nuôi của trung du, miền núi, chúng ta cần song song đặt vấn đề nuôi trâu và nuôi bò lấy thịt cùng với lấy sức kéo và lấy sữa. Vấn đề đặt ra là: chúng ta sẽ phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt ở miền Bắc nước ta theo hướng nào? Về vấn đề này, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

Nếu so với nhiều nước trên thế giới, đàn trâu bò của chúng ta vào loại nhỏ, chỉ số trâu bò theo đầu người còn thấp và sản lượng thịt trâu, bò còn rất ít. Trong khi đó, hơn 10 năm qua, sản lượng thịt bò toàn thế giới đã tăng 26%: từ 32 triệu tấn (1961) lên 40,2 triệu tấn (1973).

Nhìn chung, thế giới hiện có hai hình thức chăn nuôi trâu bò thịt: một là, «chăn nuôi quảng canh» (ranch), chăn thả từng đàn bò lớn trên những đồng cỏ mênh mông, mỗi bò có thể chiếm từ 2 đến 4 ha đồng cỏ, năng suất một hecta đồng cỏ trong một năm từ 150 đến 180 kg thịt (1); hai là, nuôi bò theo hướng «thâm canh», công nghiệp hóa: với những giống bò thịt chuyên dụng (Hereford, Charolais, Limousine...), hoặc kiêm dụng sữa thịt (Brown Swiss, Lang trắng đỏ,...) nổi tiếng, đầu tư nhiều cơ sở vật chất và kĩ thuật, nhất là thức ăn để sản xuất ra bê thịt, nuôi một năm tuổi đã đạt 400—500 kg, tỉ lệ thịt xẻ cao (60%) và phẩm chất thịt rất ngon.

Vậy hướng chăn nuôi trâu bò thịt ở miền Bắc nước ta thì sao?

Chúng ta không thể phát triển chăn nuôi trâu bò thịt theo dạng «quảng canh» như Achen-tina, Úc,... vì đồng ruộng, đất đai của ta ít; đồng cỏ, bãi chăn của ta không nhiều. Chúng ta cũng không thể phát triển chăn nuôi trâu, bò theo hướng «thâm canh» như những nước kinh tế phát triển đang làm, vì điều kiện cơ sở vật chất, kĩ thuật chưa cho phép. Theo suy nghĩ của chúng tôi, chúng ta phải tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm cổ truyền và phương thức chăn nuôi trâu, bò vốn có của nhân dân ta, kiên quyết chống tệ nuôi

(1) J. Pagot, J. C. Trichet: *Le ranching — techniques et économie*, 1968.

trâu bò thả rong, phát huy những điều kiện thuận lợi về kinh tế — tự nhiên của miền núi trung du đối với chăn nuôi trâu bò thịt (trong đó lấy việc thuần hóa trâu, bò nội là chính), đồng thời cải tiến dần cơ cấu chăn nuôi của ta và tăng cường dần cơ sở vật chất, kĩ thuật để từng bước hình thành ngành trâu bò thịt của chúng ta.

II. NHỮNG KHẢ NĂNG TIỀM TÀNG VÀ TIẾN BỘ KỸ THUẬT ĐỂ CÓ THỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÂU BÒ THỊT Ở MIỀN NÚI, TRUNG DU

Nhu cầu như vậy, nhưng vấn đề là ở khả năng thực hiện. Theo chúng tôi, ngoài bản thân « thể mạnh » về chăn nuôi của miền núi và trung du, thì những tiến bộ kĩ thuật mà ngành nông nghiệp đã đạt được trong thời gian qua đã tạo những điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi trâu bò thịt. Những lí do để có thể phát triển mạnh chăn nuôi trâu bò thịt ở miền núi và trung du là:

1. Canh tác nông nghiệp đã tập thể hóa của chúng ta phải tiến lên không ngừng theo hướng tăng năng suất lao động, tăng năng suất chăn nuôi và cây trồng; trong đó công cụ cải tiến và máy móc cơ khí đóng vai trò quan trọng. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, mức độ cơ giới hóa khâu cày, bừa dự kiến là 10 — 15% diện tích canh tác (1). Chúng ta phải đưa cơ khí vào đồng ruộng ngày một nhiều, nhất là vào địa bàn ruộng cạn ở đồng bằng và trung du, để thay thế dần sức kéo gia súc, làm cho nhu cầu này bớt căng thẳng và ngày một giảm đi. Nhịp độ cơ giới hóa canh tác càng tăng thì khả năng thay thế trâu, bò bằng sức máy càng lớn. Trước hết, cần áp dụng tiêu chuẩn giám định trâu, bò cày kéo để chọn ra những trâu, bò cày kéo đủ tiêu chuẩn, loại ra những trâu bò gầy, yếu, già, « bụng cóc, lưng còng ». Số trâu, bò to còn lại cần đem nuôi lớn, nuôi béo để lấy thịt. Thông thường, một máy kéo tay « Công nông » thay thế được khoảng 10 trâu hoặc 14 — 15 bò; một máy kéo « DT — 54 », thay được 70 — 80 trâu hoặc 100 bò. Vì thế, trong thời gian tới, số trâu bò thịt có thể đạt tới tỉ lệ 20 — 30% tổng số đàn trâu bò hiện có. Phải chăng đây là một nguồn thực phẩm khá lớn, nhất là nếu được tổ chức nuôi dưỡng chăm sóc tốt để tăng năng suất thịt (nhằm đưa thể trọng

trâu trưởng thành bình quân lên 300 — 320kg, bò lên 200 — 220kg, chẳng hạn).

Mặt khác, ở những cơ sở chăn nuôi bò sữa, số bê được để lại làm giống chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ, số còn lại, khoảng 17 — 18% đàn bê, cần được nuôi thành bò thịt hai năm tuổi để xuất chuồng (nếu chưa có điều kiện sản xuất bê thịt như nhiều nước thường làm). Lâu nay, ta chưa chú trọng loại mặt hàng này để có qui trình kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc cẩn thận và có chủ trương tiêu thụ thích hợp, nhằm vừa tăng thu nhập, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho ngành nuôi bò sữa phát triển, vừa thêm được khối lượng thực phẩm quan trọng, một loại thịt đồ cao cấp. Cũng cần chú ý đến số trâu, bò thải loại ở đàn bò sữa và bò sinh sản; ở đàn trâu sữa và trâu sinh sản: đem vỗ béo 3 — 4 tháng loại trâu, bò này trước khi bán thịt, với yêu cầu tăng trọng mỗi tháng 10 — 12kg, với tỉ lệ thịt xẻ không dưới 50%. Nếu thải loại đúng niên hạn sử dụng, hằng năm sẽ có khoảng 10% trâu bò cai sữa và sinh sản được chuyển thành trâu, bò thịt và sẽ cho một khối lượng thực phẩm không nhỏ.

2. Về mặt giống, đàn trâu bò nội của ta vốn dễ nuôi, tận dụng thức ăn thô giổi và chống bệnh tốt, nhưng lâu nay chưa được chọn lọc, cải tạo. Kinh nghiệm ở một số nông trường quốc doanh chỉ rõ: giống bò Thanh-hóa, Nghệ-an qua chọn lọc và nuôi dưỡng thích đáng, có thể nâng thể trọng trưởng thành lên 20 — 25% trong thời gian không lâu. Bò sữa hiện có phần lớn thuộc giống kiêm dụng sữa thịt (Lang trắng đen, Hà-Ấn, Hà-Việt... hoặc thịt sữa (Brown Swiss, yếm nâu...), bò hai năm tuổi với qui trình kĩ thuật chưa « thâm canh » cũng có thể cho năng suất thịt đáng kể: lang trắng đen, Brown Swiss, Hà-Ấn 300 — 320 kg, Hà-Việt 200 kg. Chọn lọc được đàn bò cái « nền » (nội) để lai với bò đực (ngoại) thì số bò đực lai (F_1 , F_2 ...) sẽ ngày một tăng và sản lượng thịt bò cũng sẽ song song phát triển với sản lượng sữa. Trong tương lai, ta còn có thể nghĩ đến nhập nội những giống bò chuyên hướng thịt để lai với giống bò trong nước nhằm cải tạo giống và tăng nhanh năng suất thịt bò. Về kĩ thuật phối giống, chúng ta đã nắm được kĩ thuật thụ tinh nhân tạo tiên tiến của bò (cả tinh lỏng và tinh viên), kích thích bò cái động dục, làm tăng sức sinh sản của bò lên 20 — 30%.

(1) Ban chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 (1961).

So với bò, đàn trâu của ta có ưu thế hơn, vì số lượng nhiều, to con hơn, thể trọng không kém thua lắm so với trâu của thế giới, phân bố lại rộng và riêng địa bàn miền núi trung du lại chiếm một tỉ lệ khá cao (60%). Bằng biện pháp chọn giống, chọn dòng kết hợp với nuôi dưỡng, chăm sóc, có thể chọn được trâu sinh sản mắn đẻ (12—15 tháng/lứa), loại đàn trâu cái đẻ thưa (ba năm đôi hoặc thưa nữa), khắc phục hiện tượng « nân, xồi », tăng mức sinh sản của trâu cái lên 30—40%, đồng thời tăng thể trọng bình quân trưởng thành lên 20—25%. Mặt khác, đi đôi với việc phát triển trâu bò sữa, ta còn có trâu lai, cho nhiều thịt hơn. Nói chung, trong giai đoạn trước mắt, nhu cầu trâu cày kéo còn nhiều, nên phần lớn trâu thịt là trâu cày kéo thải loại, hoặc không đủ tiêu chuẩn trâu cày kéo, nhưng cải tiến được phẩm chất giống và nuôi vỗ béo tốt thì khối lượng thịt trâu sẽ tăng nhanh, con số chục vạn tấn là một tương lai không xa lắm.

3. Một trong những đặc điểm quan trọng của chăn nuôi trâu bò thịt là sử dụng thức ăn xanh với đồng cỏ và đôi cỏ, do đó không có nguy cơ tranh chấp về lương thực với các gia súc khác. Theo tài liệu điều tra miền núi, trung du có hàng triệu hecta đồng cỏ các loại. Cần áp dụng qui phạm sử dụng và cải tạo đồng cỏ thiên nhiên đối với những tầng đất canh tác mỏng, nhiều dốc, để đạt được chỉ tiêu 1 trâu bò/ha, mỗi năm sản xuất khoảng 150—170 kg thịt hơi/ha. Áp dụng qui phạm hoàn chỉnh đối với loại đồng cỏ tốt hơn để cải tạo thâm cỏ, đủ nuôi 3—4 trâu bò/ha, mỗi năm sản xuất khoảng 500 kg thịt hơi/ha. Mấy năm vừa qua, nhiều giống có năng suất cao, phẩm chất tốt, thích hợp với từng vùng đã được xác định, đó là: cỏ Pangola (*Digilaria decumbens*), cỏ (Mộc-châu *Paspalum urvillei*), cỏ voi (*Penisetum purpureum*), cỏ Tây Nghệ-an (*Panicum maximum*), cỏ Xtilô (*Stylosanthes gracile*) và nhiều giống cỏ tốt khác. Dành đất thích hợp để thâm canh các giống cỏ này, có thể đạt 80—100 tấn cỏ/ha, đủ nuôi 10—12 trâu bò, chủ yếu cho các loại bê, nghé, trâu bò nhập nội và lai. Chúng ta đã xây dựng được các qui trình kĩ thuật chế biến cỏ và cây thức ăn gia súc theo các dạng ủ tươi, phơi khô... chuẩn bị cho trâu bò lúc thiếu cỏ trong vụ đông xuân. Và, trên cơ sở xác định được giá trị dinh dưỡng của thức ăn gia súc và các loại cỏ, ta đã xây dựng được định mức dinh dưỡng và khẩu phần thức ăn cho trâu bò các loại, trong đó có trâu bò thịt. Chúng ta đã nắm được kĩ thuật nuôi bê bằng thức

ăn hỗn hợp thay một phần cho sữa nguyên, bảo đảm sức sinh trưởng của bê bình thường và mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Ngoài ra, kĩ thuật bò sung đậm, khoáng trong khẩu phần bê nghé đang nuôi lớn; kĩ thuật dùng urê (mức 30 g/100 kg thể trọng mỗi ngày) nuôi trâu bò tơ đã được chúng ta thực nghiệm rộng rãi, đạt hiệu quả tăng trọng hơn so với đối chứng tới 20—30%.

4. Công tác vệ sinh phòng bệnh cho trâu bò đã được đúc kết thành các qui định về thú y, bao gồm các mặt vệ sinh phòng bệnh, tiêm phòng bệnh dịch, tẩy giun sán định kì, phòng trừ các bệnh viêm phổi, ỉa chảy bê nghé và phòng chống trâu bò đổ ngã trong vụ đông xuân do suy dinh dưỡng, nhiễm sán lá gan, kí sinh trùng đường máu. Mục tiêu của các qui định thú y đó, là bảo đảm an toàn cho đàn trâu bò, nhất là đối với những dịch bệnh lớn, đưa tỉ lệ nuôi sống bê nghé lên 80—90%, trâu bò lên 90%, cũng như hạn chế tác hại của giun sán và các bệnh khác để trâu bò sinh trưởng, phát dục bình thường, đạt năng suất thịt dự kiến.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRONG KHI PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI TRÁU BÒ THỊT

Để phát triển chăn nuôi trâu bò thịt ở trung du và miền núi, cần có một số biện pháp tổ chức thực hiện chủ yếu sau:

1. Phải lập qui hoạch, kế hoạch phát triển trâu bò thịt của từng địa phương, từng vùng, chú trọng những vùng trọng điểm, những địa phương nhiều trâu bò; với cơ cấu giống (nội, lai, ngoại), cơ cấu đàn (sinh sản, cày kéo, sữa, thịt), cơ cấu chăn nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm, cá...) thích hợp.

2. Trên cơ sở đó, tổ chức vùng giống trâu, vùng giống bò, với những nông trường quốc doanh nuôi bò giống, trâu giống; kết hợp xây dựng các trạm thụ tinh nhân tạo bò, trạm truyền giống trâu; áp dụng chế độ quản lí giống trâu, giống bò, nhằm chọn lọc và nâng cao phẩm chất đàn trâu bò nội; đồng thời, đưa giống trâu bò ngoại lai với trâu bò nội, để có con lai năng suất thịt cao hơn. Ở những vùng nhiều trâu bò thì những hợp tác xã hoặc nông trường quốc doanh cần tổ chức những đội, tổ chuyên môn nuôi vỗ béo trâu bò thịt.

3. Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác cải tạo đồng cỏ thiên nhiên, áp dụng qui định sử

dụng đồng cỏ hợp lí, tiến hành trồng cỏ; chế biến dự trữ cỏ; bảo đảm cân đối giữa trâu bò và cỏ, trên cơ sở đồng cỏ được cải tạo, tăng năng suất, có bổ sung thức ăn ủ tươi và cỏ khô trong vụ đông — xuân.

Làm như vậy là chúng ta đã đi theo hướng tổ chức sản xuất vừa tập trung, vừa chuyên môn hóa để có điều kiện đầu tư con giống, thức ăn, đồng cỏ, kĩ thuật chăn nuôi, lao động, vật tư và tiền vốn. Tất nhiên, hiện nay ta còn phải coi trọng kinh tế phụ gia đình trong khuôn khổ « phải coi kinh tế phụ gia đình nằm trong phạm trù kinh tế của hợp tác xã » (1). Ở miền núi và trung du, một gia đình có thể nuôi vài trâu bò, thậm chí 5 — 7 trâu bò (trong đó có trâu bò thịt) là khả năng hiện thực; có thể ví như vấn đề sản xuất sữa trâu ở Ấn-độ vậy (2).

4. Chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò thịt ở miền núi trung du, là yếu tố hết sức quan trọng. Những chính sách đó bao gồm: bảo vệ và mở rộng đồng cỏ, đổi cỏ; dành đất trồng cỏ; cho vay vốn để cải tạo đồng cỏ; xây dựng chuồng trại, hỗ trợ giống trâu bò tốt và vật tư thiết yếu khác,... Riêng về chính sách giá cả, đề nghị nên khuyến khích sao cho người chăn nuôi có lãi chắc chắn, trên cơ sở chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn của trâu bò và giá trị của trâu bò gốc, theo tinh thần « khuyến khích phát triển sản xuất, thúc đẩy cách mạng kĩ thuật và phân công lao động mới, đặc biệt trong nông nghiệp cần tăng cường quản lí kinh tế tài chính, tăng năng suất lao động, nâng cao phẩm chất và hạ giá thành sản phẩm... » (3). Khi đem bán ra thị trường, Nhà nước có thể coi thịt trâu bò là loại thực phẩm cao cấp, cung cấp ngoài định lượng, bán giá cao hơn, không đặt vấn đề bù lỗ. Ngoài ra, cần có chế độ khen thưởng, khuyến khích khác đối với những tập thể, đơn vị, cá nhân đã hoàn thành tốt (và bảo đảm chất lượng) kế hoạch giao nộp trâu bò thịt cho Nhà nước.

∴

Xây dựng ngành trâu bò thịt ở miền Bắc nói chung và miền núi trung du, nói riêng là một quá trình phấn đấu gian khổ và lâu dài. Trong bước đi ban đầu của thời kì quá độ, sản xuất trâu bò thịt của chúng ta cần theo hướng: tiếp tục sử dụng những giống nội được chọn lọc, nâng cao là chính; kết hợp tăng dần số trâu bò lai, để tăng năng suất sinh sản, tăng năng suất thịt; sử dụng hợp lí đồng cỏ, đổi cỏ thiên nhiên đã bước đầu được cải tạo là chính, có thêm cỏ cắt, cỏ ủ và ít nhiều thức ăn bổ sung khác; bước đầu tổ chức sản xuất trâu bò thịt theo hướng tập trung, chuyên môn hóa với những bước đi thích hợp, kết hợp với việc sử dụng sức kéo và lấy sữa. Trong cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lí nông nghiệp, chúng ta đang cố gắng thay đổi điều kiện canh tác của nhiều loại cây trồng và chăn nuôi nhiều loại gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất lớn, thì những tiến bộ kĩ thuật trình bày trên đây rõ ràng là những yếu tố mới, mở ra triển vọng phát triển chăn nuôi trâu bò thịt. Đây cũng là một trong những nội dung của cuộc cách mạng trong cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi ở miền Bắc nước ta để « tạo được một bước chuyển biến trên lĩnh vực chăn nuôi, nhằm tăng thêm thực phẩm cho xã hội, phân bổ cho cây trồng, góp phần mở rộng xuất khẩu và đẩy mạnh phân công lao động mới » (4).

(1) Trường Chinh — Bài nói tại Hội nghị cán bộ Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh toàn miền Bắc. Nhà xuất bản Sự thật, 1974.

(2) Phạm Văn Đồng — Tài liệu đã dẫn.

(3) Hội đồng Chính phủ — Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giá cả hai năm 1974—1975, tháng 9-1974.

(4) Lê I uân — Tài liệu đã dẫn.